TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-ST
Ngày 28-9-2022
V/v Tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh Hải.
2. Ông Hồ Chí Trường.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 19-9-2022 và ngày 28-9-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1983;

1.2 Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: ấp Anh Dũng, xã Tân Thành A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (tất cả có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Hữu T, sinh năm 1983 (vắng mặt).
HKTT: ấp Tuyết Hồng, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.
Chỗ ở hiện nay: khóm 2, thị trấn SaRài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Kim L trình bày: Vào ngày 02-6-2020, anh Thanh có ký nhận nợ tiền hụi của anh H, chị Kim L với số tiền là 65.000.000đồng, anh T hứa sẽ trả dần vào mùa lúa. Khi thu hoạch lúa Hè Thu năm 2020 thì anh T trả cho anh H, chị Kim L số tiền là 20.000.000đồng, còn lại 45.000.000đồng nhưng đến mùa thu hoạch lúa Đông Xuân năm 2021 thì anh T không trả tiếp nợ cho anh H, chị Kim L, mặc dù anh H, chị Kim L có nhắc nhiều lần nhưng anh T vẫn không thực hiện theo tờ cam kết. Nay anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Kim L yêu cầu anh Nguyễn Văn Hữu T trả số tiền hụi còn nợ là 45.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Theo lời trình bày của anh Nguyễn Văn Hữu T có trong hồ sơ vụ án: Thống nhất theo lời trình bày của anh H, chị Kim L. Vào ngày 02-6-2020, khi anh T và chị L đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án thì anh H, chị Kim L có đến yêu cầu anh T phải ký tên vào tờ thỏa thuận là có nợ tiền hụi của anh chị số tiền là 65.000.000đồng, do lúc đó anh T muốn thủ tục ly hôn không kéo dài nên anh T đã thống nhất ký tên vào tờ thỏa thuận đó để nhận nợ tiền hụi thuộc về anh T nhưng thực chất số tiền hụi này là của chi L (vợ anh T) tham gia chơi hụi với chị Kim L chứ anh T không có biết, hiện nay anh T và chị L đã ly hôn. Khi ly hôn xong thì chị L đi đâu và làm gì anh cũng không biết, anh T cũng đã trả cho anh H, chị Kim L được số tiền là 20.000.000đồng, cho nên anh H, chị Kim L yêu cầu anh T trả số tiền hụi còn nợ là 45.000.000đồng, anh T không thống nhất trả số tiền 45.000.000đồng mà anh T chỉ thống nhất trả số tiền 22.500.000đồng, số tiền còn lại là chị L có trách nhiệm trả cho anh H, chị Kim L.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp hụi và bị đơn hiện nay đang sinh sống, có mặt tại huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ hụi nên Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý vụ án là tranh chấp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm bị đơn anh T đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự mà vẫn cố tình vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của anh H, chị Kim L về việc yêu cầu anh T trả nợ hụi còn thiếu là 45.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: đối với số tiền hụi thì căn cứ vào biên nhận ngày 02-6-2020, anh T có ký nhận nợ hụi của anh H, chị Kim L 65.000.000đồng. Biên nhận do anh T trực tiếp ký nhận, theo lời khai và tại phiên hòa giải anh T cũng thừa nhận việc này, cho thấy biên nhận trên và các bên thống nhất số tiền nợ hụi là có thật và được hai bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc anh T cho rằng nợ hụi là của chị L (vợ anh T), khi anh T và chị L còn chung sống vợ chồng với nhau nên anh T ý kiến là chỉ thống nhất trả nợ 50% còn phần còn lại là chị L có nghĩa vụ trả. Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án yêu cầu anh T cung cấp địa chỉ của chị L thì anh không cung cấp được, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án anh T thừa nhận khi anh T và chị L khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu ly hôn thì anh T thỏa thuận thống nhất nhận nợ hụi là của anh T nên đồng ý ký tên. Như vậy, cho thấy tuy nợ hụi xuất phát từ khi anh T và chị L còn sống chung vợ chồng với nhau nhưng khi ly hôn thì anh T thống nhất nhận nợ là của anh và trong vụ án này phía nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình anh T trả nợ việc này cũng đã được anh T thực hiện trả được 20.000.000đồng nay chỉ còn nợ 45.000.000đồng. Ngoài ra, theo lời trình bày và

cung cấp chứng cứ của nguyên đơn thì khi ký nhận thỏa thuận nợ thì giữa anh T và chị L có thỏa thuận chia nợ và hiện nay không những anh T ký nhận nợ hụi này mà chị L cũng có ký nhận nợ của nguyên đơn đến nay chị L cũng chưa trả.

Từ những nhận định trên căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí:

- Buộc anh Nguyễn Văn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do chấp nhận yêu cầu của anh H, chị Kim L.

- Anh H, chị Kim L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 227, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 468 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc anh Nguyễn Văn Hữu T có trách nhiệm trả nợ hụi còn thiếu 45.000.000đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) cho anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Kim L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Nguyễn Văn Hữu T phải nộp 2.250.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Kim L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Kim L số tiền 1.125.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0002508 ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28-9-2022). Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Cư